

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **12/2019/DS-ST**

Ngày: 15/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thương
2. Bà Phạm Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 22, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 18, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Buôn P (thôn X), xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng: Ông Lê Đức D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày như sau:**

Bà T (nguyên đơn) và ông H (bị đơn) có mối quan hệ quen biết với nhau. Cách đây nhiều năm (không nhớ rõ thời gian) nguyên đơn có cho bị đơn vay số

tiền 20.000.000 đồng, các bên đã thanh toán xong cho nhau, không có tranh chấp gì.

Ngày 11/9/2018, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng, hạn trong vòng 01 tháng sẽ trả đủ, lãi suất không thỏa thuận, mục đích vay để đảo hạn ngân hàng. Ngoài ra, giữa các bên không còn khoản nợ nào khác.

Khi vay nguyên đơn lập hợp đồng, bị đơn ký xác nhận có sự chứng kiến của ông Lê Đức D là anh rể của bị đơn. Các bên không giao nhận tài sản, giấy tờ gì làm tin. Quá trình vay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn được khoản nợ gốc và lãi nào. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, không yêu cầu gia đình bị đơn cùng có trách nhiệm.

Số tiền cho bị đơn vay là tiền của nguyên đơn, không liên quan đến gia đình nên không yêu cầu Tòa án triệu tập người liên quan.

Nội dung trong giấy mượn tiền “*em Lê Đức D có trách nhiệm lấy dùm số tiền trên cho tôi*” là do nguyên đơn viết, ông D ký xác nhận. Lý do vì nguyên đơn không tin tưởng cho bị đơn vay nhưng do ông D (anh rể của bị đơn) là người có uy tín và nói sẽ lấy giùm nợ từ bị đơn để đưa cho nguyên đơn nên nguyên đơn mới tin tưởng cho vay, vì vậy theo nguyên đơn ông D chỉ tham gia với tư cách là người làm chứng.

Đối với chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, nguyên đơn tự nguyện nộp ½ (1.510.000 đồng), khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng; chi phí giám định yêu cầu bị đơn thanh toán.

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn K trình bày như sau:**

Ông K (nguyên đơn) và bị đơn có mối quan hệ làng xóm quen biết với nhau, thời điểm vay tiền bị đơn đang sinh sống tại thôn 18, xã N, huyện C. Ngày 19/6/2016, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng để kinh doanh và mua phân bón chăm sóc cây trồng, thời hạn trả 01 năm, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Giấy vay tiền do bị đơn viết và ký xác nhận. Đến ngày 19/6/2017 bị đơn trả tiền lãi 12 tháng là 5.400.000 đồng còn tiền gốc bị đơn xin trả sau 01 đến 02 tháng (thỏa thuận bằng miệng). Giấy vay bị đơn viết thời hạn trả nợ 19/6/2016 là nhầm lẫn, nguyên đơn không để ý nên không yêu cầu bị đơn chỉnh sửa lại.

Ngày 09/8/2016, bị đơn tiếp tục vay của nguyên đơn 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, hạn 01 năm sau sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Tuy nhiên đến hạn bị đơn chỉ trả được 3.000.000 đồng tiền lãi, xin khất lại nợ gốc một tháng sau sẽ trả. Kể từ khi quá hạn trả nợ, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, sau đó bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 10/2018 đến nay.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu Tòa án giải quyết lãi phát sinh đồng thời không yêu cầu xem xét đến số tiền lãi đã trả của hai khoản vay trên.

Nguyên đơn là người trực tiếp đứng ra cho vay, số tiền cho vay là của một mình nguyên đơn, không liên quan đến gia đình. Cả hai giấy vay tiền ghi “cô chú N K” là bị đơn ghi theo thói quen cả vợ chồng đồng thời cũng ghi người vay là “hai cháu H N” nhưng khi vay chỉ có bị đơn H nên nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện một mình bị đơn.

Khi vay các bên không giao tài sản, giấy tờ gì làm tin; không có người làm chứng.

Đối với chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, nguyên đơn tự nguyện nộp $\frac{1}{2}$ (1.510.000 đồng), khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng; chi phí giám định yêu cầu bị đơn thanh toán.

* Bị đơn ông Nguyễn Tiến H vắng mặt tại các buổi làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết là BLTTDS). Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và các nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Về nội dung: Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (sau đây viết là BLDS): Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn K buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến H có trách nhiệm trả cho ông K số tiền gốc 50.000.000 đồng. Áp dụng các điều 494, 496 BLDS: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến H có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc 100.000.000 đồng, không chấp nhận tiền lãi suất chậm trả theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự có mặt tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa nên HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo quy định pháp luật là phù hợp.

Về thời hiệu khởi kiện: Kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp đến ngày các nguyên đơn khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 184 BLTTDS.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 11/9/2018 bà T cho bị đơn mượn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 19/6/2016 ông K cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 09/8/2016 ông K tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng, khi vay đều có lập hợp đồng thỏa thuận thời hạn trả nợ; nhưng quá thời hạn bị đơn không trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Xét quá trình khởi kiện nguyên đơn ông K không yêu cầu giải quyết về lãi suất là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Xét bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn là thôn X (buôn P), xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngoài địa chỉ nêu trên không còn địa chỉ nào khác để cung cấp cho Tòa án. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì ông Nguyễn Tiên H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên tuy nhiên từ tháng 10/2018 ông H đi đâu làm gì không thông báo nên địa phương không nắm được.

Ngày 11/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã thông báo tìm kiếm ông Nguyễn Tiên H trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Nhắn tin trên sóng AM tần số 657 Mhz tại TP. HCM và 675 Mhz tại Hà Nội của Đài tiếng nói Việt Nam vào lúc 17h50' -18h00' các ngày 20, 21, 22/3/2019 và trên báo Công lý tại các số 22, 23, 24 ra các ngày 15, 20, 22/3/2019. Tuy nhiên hết thời gian thông báo đến nay vẫn không có tin tức gì của ông H.

Theo Kết luận giám định số 20/PC09 ngày 01/4/2019 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Tiên H trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tiên H trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một ký và viết ra”. Từ đó đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn vắng mặt không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Xét nguyên đơn bà T và ông K đều xác định tiền cho bị đơn vay, mượn là của cá nhân nguyên đơn không liên quan đến gia đình đồng thời không yêu cầu gia đình ông H liên đới có nghĩa vụ trả nợ, ngoài ra bà T cũng xác định ông Lê Đức D là anh rể của bị đơn ký với tư cách người làm chứng nên không có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp.

Xét nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất theo quy định pháp luật là không phù hợp bởi vì, theo chứng cứ bà khởi kiện đề ngày 11/9/2018 giữa bên mượn là ông H bên cho mượn là bà T, có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận lãi suất, tiêu đề và nội dung đều thể hiện là giấy mượn tiền nên theo quy định tại các điều 494, 496 BLDS quy định “*Hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên*

mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền, bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được”, vì vậy quá thời gian thỏa thuận bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, tuy nhiên đối với hợp đồng mượn thì không tính lãi suất nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu lãi suất của bà T.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy quyền và lợi ích của các bên đương sự đều được bảo vệ; Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc là 100.000.000 đồng, trả cho ông K số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

[5] Về chi phí tố tụng: Xét đồng nguyên đơn tự nguyện nộp chi phí thông báo tìm kiếm là 3.020.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã tạm ứng nộp là phù hợp. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ chịu chi phí giám định là 5.760.000 đồng. Bà Lê Thị T và ông Lê Văn K mỗi người được nhận lại 2.880.000 đồng sau khi thu được của ông H.

[6] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị T và ông Lê Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 161, 184, 227, 228, 266 BLTTDS;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 494, 496 BLDS năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn K.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn K số tiền gốc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ chịu chi phí giám định là 5.760.000 đồng. Bà Lê Thị T và ông Lê Văn K mỗi người được nhận lại 2.880.000 đồng sau khi thu được của ông H.

Về chi phí thông báo tìm kiếm: bà Lê Thị T và ông Lê Văn K tự nguyện nộp, khấu trừ số tiền các nguyên đơn đã tạm ứng nộp là 3.020.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền 2.500.000 đồng (*hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007243 ngày 06/12/2018.

Trả lại cho nguyên đơn Lê Văn K số tiền 1.250.000 đồng (*một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007235 ngày 03/12/2018.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH